**THÔNG TIN LIÊN LẠC, BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nghề hoặc công việc** | **Đặc điểm điều kiện lao động của nghề, công việc** |
|  | **Điều kiện lao động loại VI** | |
| 1 | Xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng cột cao ăng ten (từ 50m trở lên) | Công việc nặng nhọc, khi làm việc trên cao rất nguy hiểm và khi sửa chữa, bảo dưỡng chịu tác động của điện từ trường cao tần và siêu cao tần. |
| 2 | Lắp đặt, sửa chữa, bảo dưỡng các thiết bị thông tin trên cột cao ăng ten (từ 50 m trở lên). | Công việc nặng nhọc; thường xuyên phải làm việc trên cao rất nguy hiểm; tư thế làm việc gò bó và khi sửa chữa, bảo dưỡng chịu tác động của điện từ trường cao tần và siêu cao tần. |
|  | **Điều kiện lao động loại V** | |
| 1 | Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin vệ tinh (đài hoa sen) | Thường xuyên tiếp xúc với điện từ trường siêu cao tần vượt tiêu chuẩn cho phép |
| 2 | Xây lắp, bảo dưỡng, sửa chữa cáp ngầm | Công việc thủ công, nặng nhọc, vị trí làm việc chật hẹp, thiếu dưỡng khí; khi sửa chữa, bảo dưỡng bẩn thỉu, hôi thối. |
| 3 | Giao thông viên vùng cao | Công việc vất vả, nặng nhọc, phải đi lại nhiều qua các vùng núi cao, nhiều dốc không kể mưa nắng. |
| 4 | Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba ở các trạm trên núi cao, rừng sâu | Giải quyết nhiều công việc phức tạp, không có khả năng ứng cứu, ảnh hưởng của điện từ trường |
|  | **Điều kiện lao động loại IV** | |
| 1 | Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị vi ba ở các trạm trên núi | Thường xuyên chịu tác động của điện từ trường và giải quyết nhiều công việc phức tạp |
| 2 | Giao thông viên trung du, miền núi và đồng bằng (đường thư dài từ 45km trở lên) | Đi bộ và đạp xe, chịu tác động của mưa, nắng, gió, công việc nặng nhọc. |
| 3 | Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa máy thu, phát công suất từ 1KW trở lên | Thường xuyên chịu tác động của điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần |
| 4 | Vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị thông tin vệ tinh (đài intelsat) | Thường xuyên làm việc trong môi trường có điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần |
| 5 | Khai thác, phát hành báo chí tại Trung tâm (Hà Nội, TP Hồ Chí Minh) | Chuyên làm về đêm, công việc nặng nhọc, tiếp xúc bụi và ồn rất cao |
| 6 | Khai thác, phát hành bưu chính | Công việc thủ công, nặng nhọc, ảnh hưởng của bụi |
| 7 | Bảo quản cấp phát tem chơi, tem lưu trữ (sử dụng asen để bảo quản) | Thường xuyên tiếp xúc với hoá chất độc mạnh như asen và CO2 |
| 13 | Đục tem bằng máy HKA 5/68 (sản xuất tại Đức) | Tư thế làm việc gò bó, chịu tác động của tiếng ồn cao vượt tiêu chuẩn cho phép nhiều lần |
| 8 | Khai thác điện thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II) | Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý |
| 9 | Khai thác phi thoại (điện thoại viên cấp I, cấp II) | Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý |
| 10 | Điện toán (truyền dẫn số liệu, quản lý danh bạ điện thoại, xử lý phần mềm và lập trình) | Thường xuyên tiếp xúc với màn hình, căng thẳng thần kinh, tâm lý |
| 11 | Sản xuất ống cáp nhựa thông tin. | Thường xuyên tiếp xúc với nóng, hơi, khí và bụi độc. |
| 12 | Chặt, uốn, hàn sắt làm cốt bê tông, cấu kiện thông tin. | Công việc nặng nhọc, thường xuyên tiếp xúc với ồn, bụi, ảnh hưởng của khí hàn, tia hồ quang. |
| 13 | Trộn, đổ bê tông sản xuất cấu kiện bê tông đúc sẵn các cấu kiện thông tin bằng phương pháp bán thủ công. | Làm việc ngoài trời, công việc thủ công, rất nặng nhọc, tiếp xúc với ồn, bụi, thường xuyên lưu động theo các công trình. |
| 14 | Lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị truyền dẫn trên tuyến và mạng điện thoại nội hạt | Làm việc ngoài trời, công việc nặng nhọc, nguy hiểm, tư thế lao động gò bó. |
| 15 | Trực tiếp chỉ đạo xây dựng cột cao ăngten. | Thường xuyên làm việc ngoài trời, chịu tác động của mưa, nắng, bụi, căng thẳng thần kinh tâm lý. |
| 16 | Sửa chữa thiết bị đầu cuối thuê bao (điện thoại, Fax, máy nhắn tin...) | Nơi làm việc chật hẹp, tư thế lao động gò bó, thường xuyên tiếp xúc với hóa chất. |
| 17 | Tuần tra bảo vệ các tuyến cáp quang | Làm việc ngoài trời, thường xuyên phải đi tuần tra không kể ngày đêm, mưa, nắng. |
| 18 | Lắp đặt, sữa chữa, bảo dưỡng các tuyến cáp quang | Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, thường xuyên làm việc ngoài trời không kể ngày đêm, mưa, nắng. |
| 19 | Chuyên khảo sát, đo đạc và lắp đặt các công trình thông tin | Công việc nặng nhọc, tư thế lao động gò bó, chịu tác động của điện từ trường. |
| 20 | Vận hành khai thác, sửa chữa, bảo dưỡng các tổng đài cửa quốc tế, tổng đài có dung lượng từ 10.000 số trở lên, các đài, trạm thông tin vệ tinh mặt đất, các trung tâm công nghệ, kỹ thuật cao và cáp biển | Công việc đơn điệu, thường xuyên chịu tác động của điện từ trường. |
| 21 | Hộ tống viên kiêm lái xe ô tô bưu chính có trọng tải từ 3,5 tấn trở lên hoặc trên các tuyến đường thư thuộc mạng cấp II ở các tỉnh miền núi | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của rung và xóc. |
| 22 | Hộ tống bưu chính trên phương tiện tàu hỏa tuyến Bắc - Nam | Công việc nặng nhọc, chịu tác động của bụi, rung, xóc. |
| 23 | Lắp đặt, vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị thông tin tại các trạm thông tin bố trí dọc theo tuyến đường dây 500 KV. | Thường xuyên lưu động trên các địa hình đồi núi, tiếp xúc với vi khí hậu, điện từ trường vượt tiêu chuẩn cho phép. |
| 24 | Kiểm soát, thu đo tần số, máy phát vô tuyến điện. | Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, trên cao, tư thế lao động gò bó; căng thẳng thần kinh. |
| 25 | Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cáp quang và máy hàn nối cáp quang. | Thường xuyên lưu động, làm việc ngoài trời, tiếp xúc với tia laze. |
| 26 | Vận hành, sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị VSAT, thiết bị thuê kênh riêng. | Làm việc nơi núi cao, hải đao.... tiếp xúc với vi khí hậu xấu, điện từ trường. |
| 27 | Nhập và đối soát số liệu chuyển tiền bằng máy vi tính. | Công việc đơn điệu, cường độ lao động cao, căng thẳng thị lực, tâm lý. |
| 28 | Vận chuyển bưu điện (bưu tá) tại thành phố Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh. | Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại trên đường có mật độ giao thông cao, nguy hiểm; chịu ảnh hưởng của vi khí hậu, tiếng ồn và bụi. |
| 29 | Pha chế a xít, phóng nạp ắc quy. | Thường xuyên tiếp xúc với hơi, bụi chì; a-xít (H2SO4) nồng độ cao. |
| 30 | Công nhân vận hành thiết bị Datapost | Tiếp xúc với ồn, hơi khí độc, căng thẳng thần kinh, tâm lý |
| 31 | Nhân viên thu gom | Tiếp xúc tiếng ồn, bụi, công việc nặng nhọc |
| 32 | Bưu tá | Làm việc ngoài trời, thường xuyên đi lại trên đường có mật độ giao thông cao, nguy hiểm; chịu ảnh hưởng của vi khí hậu, tiếng ồn và bụi |
| 33 | Lái xe bưu chính | Công việc nặng nhọc, nguy hiểm, thường xuyên chịu tác động của rung và xóc. |